

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Số: 788 /ĐHĐN-ĐT
Về việc cập nhật bảng tham chiếu quy
đổi chứng chỉ ngoại ngữ tương ứng
với KNLNN 6 bậc dùng cho VN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2021

Kính gửi:

- Các trường đại học thành viên;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc.

Căn cứ kết quả rà soát, bảng điều chỉnh, cập nhật quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương ứng với Khung năng lực ngoại ngữ (KNLNN) 6 bậc dùng cho Việt Nam của Trường Đại học Ngoại ngữ tại Công văn số 1599/ĐHNN ngày 21/12/2020, Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) hướng dẫn các trường đại học thành viên, các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc (sau đây gọi là các cơ sở đào tạo) thực hiện các nội dung sau:

1. Kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào

- Tất cả sinh viên chính quy nhập học vào các cơ sở đào tạo đều phải dự kiểm tra tiếng Anh đầu vào, ngoại trừ các sinh viên thuộc diện được miễn do đã có các chứng chỉ tiếng Anh (tham khảo Phụ lục kèm theo);

- Về đề thi: Đề thi đảm bảo đánh giá tương đối chuẩn xác năng lực ngoại ngữ tại thời điểm dự thi của sinh viên theo KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Về hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên giấy hoặc trên máy tính gồm Nghe hiểu: 25 câu; Ngữ pháp thực hành và đọc hiểu: 40 câu; Kiến thức đàm thoại: 20 câu; Kỹ năng viết: 07 câu chuyển đổi câu và 08 câu viết lại câu, giữ nguyên nghĩa;

- Thang điểm chấm thi sau khi quy đổi là 159 điểm;

- Tổ chức thi: Các cơ sở đào tạo phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ tổ chức cho sinh viên thi tại đơn vị mình hoặc tại Trường Đại học Ngoại ngữ.

2. Xếp lớp tiếng Anh

Căn cứ kết quả kiểm tra tiếng Anh đầu vào, sinh viên được xếp vào các lớp tiếng Anh như sau:

Kết quả kiểm tra	Được xếp vào lớp	Ghi chú
Từ 0- 119 điểm	Các lớp tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra A1	Tiếng Anh dự bị
Từ 120-139 điểm	Các lớp tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra A2	Được miễn tiếng Anh dự bị và vào học các lớp tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra A2

Kết quả kiểm tra	Được xếp vào lớp	Ghi chú
Từ 140-159 điểm	Các lớp tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra B1	Miễn các học phần A2 và nhận điểm 10 cho các học phần này; Đăng ký học phần các lớp tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra B1 (tăng cường).

3. Tổ chức giảng dạy và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh

- Trường Đại học Ngoại ngữ phối hợp với các cơ sở đào tạo phổ biến đến sinh viên đầu khóa về lộ trình đạt chuẩn tiếng Anh đầu ra để sinh viên có kế hoạch học tập và thi kiểm tra đạt chuẩn;

- Trường Đại học Ngoại ngữ phối hợp với các cơ sở đào tạo tổ chức các lớp tiếng Anh tăng cường để sinh viên đạt chuẩn tiếng Anh đầu ra. Các lớp tiếng Anh tăng cường cần được triển khai mạnh mẽ và thông báo rộng rãi đến sinh viên;

- Trường Đại học Ngoại ngữ công bố lịch thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ Quốc gia A2, B1 để sinh viên ĐHQĐN hoàn thành các chương trình đào tạo chính khóa có thể đăng ký dự thi;

- Trường Đại học Ngoại ngữ chịu trách nhiệm về mặt chuyên môn trong việc kiểm tra tiếng Anh đầu vào, đánh giá kết thúc học phần, đánh giá chuẩn tiếng Anh đầu ra;

- Các phương án thu chi trong việc tổ chức các lớp tiếng Anh tăng cường, kiểm tra tiếng Anh đầu vào, đầu ra, thu phí cấp chứng chỉ phải thông qua Ban Kế hoạch Tài chính của ĐHQĐN;

- Sinh viên có các chứng chỉ ngoại ngữ theo KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ tương ứng (trong Phụ lục kèm theo) được xem xét miễn học, miễn thi như sau:

KNLKNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Xét miễn
Bậc 1	
Bậc 2	Được miễn học và nhận điểm 10 các học phần tiếng Anh có chuẩn đầu ra đạt A2.
Bậc 3	Được miễn học, miễn thi chuẩn đầu ra B1, B2, C1 và nhận điểm 10 các học phần tiếng Anh tương ứng có chuẩn đầu ra học phần đạt B1, B2, C1 trong chương trình đào tạo chính quy. Riêng đối với sinh viên chuyên ngữ Trường Đại học Ngoại ngữ có quy định chi tiết về mức điểm tương ứng theo thang điểm 10
Bậc 4	
Bậc 5	
Bậc 6	

4. Cập nhật Bảng tham chiếu quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ tương ứng với KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam

- Bảng tham chiếu quy đổi được sử dụng để xét miễn học, miễn thi chuẩn đầu ra cho sinh viên ĐHQĐN;

- Các chứng chỉ ngoại ngữ (được tham chiếu tại Phụ lục) có giá trị 24 tháng kể từ ngày cấp đến ngày xét miễn, hoặc từ ngày tổ chức thi đến ngày xét miễn (đối với các chứng chỉ không có ngày cấp);

- Đối với sinh viên nộp các chứng chỉ ngoại ngữ khác không nằm trong Bảng tham chiếu quy đổi, Trường Đại học Ngoại ngữ sẽ tham mưu xem xét từng trường hợp cụ thể.

Văn bản này thay thế cho văn bản số 4513/ĐHĐN-ĐT ngày 29/7/2014 về việc triển khai phương thức kiểm tra tiếng Anh đầu vào và giảng dạy tiếng Anh và Văn bản số 3990/ĐHĐN-ĐT ngày 22/11/2019 về việc cập nhật bảng tham chiếu chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế với khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Yêu cầu các cơ sở đào tạo nghiêm túc triển khai thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (đ/b)
- Lưu: VT, ĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Lê Thành Bắc



Phụ lục

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ỨNG
VỚI KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM**

(Kèm theo Công văn số 788 /ĐHĐN-ĐT ngày 24/02/2021 của Đại học Đà Nẵng)

1. Tiếng Anh

KNLNN Việt Nam	CEFR	Chứng chỉ quốc gia (10)	IELTS (9)	TOEFL iBT (120)	Cambridge Tests (230)	TOEIC (4 kỹ năng)		
						Nghe & Đọc (990)	Nói (200)	Viết (200)
Bậc 1	A1	VSTEP.1			Key/Key for Schools (KET) 100-119	120-220	50-60	30-40
Bậc 2	A2	VSTEP.2	4.0	30	A2 Key/Key for Schools (KET) 120-139	225-445	70-90	50-80
Bậc 3	B1	VSTEP.3-5 4.0-5.5	4.5-5.0	31-45	- B1 Preliminary/Preliminary for Schools (PET) - B1 Business Preliminary 140-159	450-595	100-130	90-120
Bậc 4	B2	VSTEP.3-5 6.0-8.0	5.5-6.5	46-93	- B2 First/First for Schools (FCE) - B2 Business Vantage 160-179	600-845	140-160	130-150
Bậc 5	C1	VSTEP.3-5 8.5-10	7.0-7.5	94-109	- C1 Advanced (CAE) - C1 Business Higher 180-199	850-940	170-180	160-180
Bậc 6	C2		8.0-9.0	110-120	C2 Proficiency (CPE) 200-230	945-990	190-200	190-200

2. Tiếng Pháp

KNLNN Việt Nam	CEFR	Tiếng Pháp	
		DELF và DALF	TCF
Bậc 1	A1	Delf A1	TCF A1 (100-199 điểm)
Bậc 2	A2	Delf A2	TCF A2 (200-299 điểm)
Bậc 3	B1	Delf B1	TCF B1 (300-399 điểm)
Bậc 4	B2	Delf B2	TCF B2 (400-499 điểm)
Bậc 5	C1	Dalf C1	TCF C1 (500-599 điểm)
Bậc 6	C2	Dalf C2	TCF C2 (600-699 điểm)

3. Tiếng Nga

KNLNN Việt Nam	CEFR	Tiếng Nga
Bậc 1	A1	ТЭУ Тест по русскому языку как иностранному. Элементарный уровень. <i>Elementary Level</i>
Bậc 2	A2	ТБУ Тест по русскому языку как иностранному. Базовый уровень. <i>Immediate Level</i>

KNLNN Việt Nam	CEFR	Tiếng Nga
Bậc 3	B1	ТРКИ-1 Тест по русскому языку как иностранному - 1 <i>Certificate Level 1</i>
Bậc 4	B2	ТРКИ-2 Тест по русскому языку как иностранному - 2 <i>Certificate Level 2</i>
Bậc 5	C1	ТРКИ-3 Тест по русскому языку как иностранному - 3 <i>Certificate Level 3</i>
Bậc 6	C2	ТРКИ-4 Тест по русскому языку как иностранному - 4 <i>Certificate Level 4</i>

4. Tiếng Trung Quốc

KNLNN Việt Nam	CEFR	Tiếng Trung Quốc	
		HSK	TOCFL
Bậc 1	A1	Level 1	Level 1
Bậc 2	A2	Level 2	Level 2
Bậc 3	B1	Level 3	Level 3
Bậc 4	B2	Level 4	Level 4
Bậc 5	C1	Level 5	Level 5
Bậc 6	C2	Level 6	Level 6

5. Tiếng Hàn Quốc

KNLNN Việt Nam	CEFR	TOPIK
Bậc 1	A1	Cấp 1
Bậc 2	A2	Cấp 2
Bậc 3	B1	Cấp 3
Bậc 4	B2	Cấp 4
Bậc 5	C1	Cấp 5
Bậc 6	C2	Cấp 6

6. Tiếng Nhật

KNLNN Việt Nam	CEFR	CHỨNG NHẬN	
		JLPT	NAT-TEST
Bậc 1	A1	N5	5 Kyu
Bậc 2	A2	N5 (120 điểm)	4 Kyu
Bậc 3	B1	N4	3 Kyu
Bậc 4	B2	N3	2 Kyu (B)
Bậc 5	C1	N2	2 Kyu (A)
Bậc 6	C2	N1	1 Kyu